

DANH MỤC ĐỊA BÀN HỌC SINH LỚN SẴN THE ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY (CẤP TIỂU HỌC)
NĂM HỌC 2026-2027

(Đính kèm Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 của UBND xã Hồng Phong)



TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường (điểm trường)	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	XÃ HỒNG PHONG	III				
1.1	Thôn Văn Mịch		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)	8	- Xóm Ca Định: 4,5km tính từ hộ ông Hoàng Văn Nhận - Xóm Nà Pàn: 2,2km từ hộ Hoàng Văn Trang, Hoàng Văn Bèo, qua suối Bùng Hà rộng 8m không có cầu, nước chảy xiết học sinh đi lại nguy hiểm. - Xóm Nà Sli: 2,0km từ hộ ông Hoàng Văn Linh và ông Hoàng Văn Mạnh qua suối Nà Sli rộng 8m không có cầu, nước chảy xiết học sinh đi lại nguy hiểm. - Các xóm Nà Khum, Cốc Sả: 8,0km - Xóm Pò Hà: 7,5km - Các xóm Khuổi Dặc, Nà Kéo: 7,0km - Xóm Pàn Ca: 5,0km	
			Trường PTDTBT TH Hoa Thám (Trường chính)	7,5	- Xóm Nà Khum: 6,5km qua sông Bắc Giang không có cầu - Xóm Cốc Sả: 7,5km qua sông Bắc Giang không có cầu - Xóm Pò Hà: 4,0km qua sông Bắc Giang không có cầu - Xóm Khuổi Dặc: 3,0km qua sông Bắc Giang không có cầu - Xóm Pàn Ca: 4,0km qua sông Bắc Giang không có cầu	
			Trường PTDTBT TH Quang Trung (Trường chính)	10	- Xóm Pò Hà: 10,0km.	
1.2	Thôn Đoàn Kết		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)		- Các xóm Khum Kim, Hát Làng: 7,0km - Các xóm Pác Khuổi, Pò Khuyên, Nà Deng: 4,0km - Các xóm Nà Cúm, Nà Kít: 4,5km - Xóm Vằng Păm: 5,0km - Xóm Mò Tộc: 2,5km từ hộ ông Mỗ Văn Hiệu qua bờ ruộng, đường đất, nhỏ, qua đồi núi khó đi.	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Điểm trường Văn Can)	3,5	Xóm Khum Kim: 3,5km từ hộ ông Nông Văn Khuân đến điểm trường phải qua 5 lần suối chưa có cầu, đường đồi núi dễ sạt lở.	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường (điểm trường)	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3	Thôn Vằng Phya	ĐBK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)	29	- Xóm Khau Phai: 29,0km - Xóm Nà Sla: 25,0km - Xóm Hát Cù: 14,0km - Các xóm Phiêng Slài, Khuổi Nát: 9,0km - Xóm Phiêng Văng: 12km - Các xóm Cốc Po, Khuổi Khuy, Cốc Lái: 7,0km - Hát Gia: 12km - Xóm Khuổi Slao: 6,0km - Các xóm Thâm Lặng, Cò Luông: 5,0km - Xóm Mạy Thang: 4,5km - Xóm Hát Cúm: 4,0km - Xóm Pò Xuông: 2,5km có 06 hộ dân sinh sống. Từ hộ ông Hoàng Văn Hậ và các hộ trong xóm đến trường phải qua thác Phja Đán đất đá sạt lở	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Điểm trường Vằng Phja)	9,0	- Xóm Khau Phai: 9,0km - Xóm Phiêng Văng: 11km - Xóm Tầu Tát: 6,0km - Xóm Hát Gia: 10km - Xóm Cốc Lái: 5,0km - Các xóm Hát Cù, Pò Tắm, Nà Sla: 4,0km - Xóm Phiêng Búng: 2,5km có 09 hộ dân sinh sống từ hộ ông Hoàng Văn Liệu, qua sông Bắc Giang không có cầu.	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)	8,0	- Xóm Khuổi Nhọt: 8,0km - Các xóm Thang Nà, Nà Khoai: 6,0km - Xóm Nà Deng: 4,0km - Xóm Tát Lù: 7 km tính từ hộ Mông Văn Dũng; - Xóm Nà Sliéc: 8 km tính từ hộ Chu Văn Bằng; - Xóm Nà Khuông: 4.5 km tính từ hộ Triệu Văn Vương.	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/thôn)	Tên trường (điểm trường)	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4	Thôn Văn Can		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Điểm trường Văn Can)	8,0	- Xóm Khuổi Nhọt: 3,0km. Có 14 hộ dân sinh sống. Từ hộ ông Hoàng Văn Moong trở vào, học sinh phải qua dốc Kéo Bó trơn trượt. - Xóm Khuổi Slán: 4,0km - Xóm Cốc Pái: 2,5km. Có 04 hộ dân sinh sống. Từ hộ ông Nông Văn Tuấn qua đường nhỏ hẹp, qua suối Cốc Mìn không có cầu, mùa mưa nước lũ học sinh không thể đi học được. - Xóm Khuổi Phạ: 2,0km. Có 04 hộ dân sinh sống. Từ hộ ông Nông Văn Tuấn qua đường nhỏ hẹp, qua suối Cốc Mìn không có cầu, mùa mưa nước lũ học sinh không thể đi học được. - Xóm Cốc Liêng: 1,5km. Có 07 hộ dân sinh sống. Từ các hộ bà Nông Thị Lý đường đi nhỏ hẹp, qua suối Cốc Lải, suối Lọ Đình không có cầu, mùa mưa nước lũ học sinh đi lại nguy hiểm - Xóm Cốc Bay: 1,5km. Có 07 hộ dân sinh sống. Từ hộ ông Nông Văn Diện đường đi nhỏ hẹp, qua suối Cốc Lải, suối Lọ Đình không có cầu, mùa mưa nước lũ học sinh đi lại nguy hiểm. - Xóm Tát Lù: 7,0km. - Xóm Nà Sliếc: 8,0km. - Xóm Nà Khuông: 4,5km.	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Điểm trường Pàn Làng)	7,0	- Xóm Thang Nà: 4.5 km tính từ hộ Chu Thanh Sơn, điểm gần nhất Chu Văn Hoàn gần nhất 3 km đường bê tông; - Xóm Bản Hời: 3 km tính từ hộ Hứa Văn Tình đường dốc trơn trượt 1,2 km qua dốc Bản Hời đường dốc trơn trượt, dễ sạt lở; - Xóm Nà Khoai: 1.5 km tính từ hộ Ma Văn Khách Qua suối Nà Sát rộng 4 mét không có cầu đường ven bờ ruộng 1 km; - Xóm Tát Lù: 7 km tính từ hộ Mông Văn Dũng; - Xóm Nà Sliếc 7 km tính từ hộ Chu Văn Bằng phải đường rừng đồi núi nhỏ hẹp dễ sạt lở, đi lại nguy hiểm; -Xóm Nà Khuông: 6.3 km tính từ hộ Chu Văn Mạnh phải qua Đường trơn, nhỏ hẹp quanh co, dốc, dễ sạt lở.	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/thôn)	Tên trường (điểm trường)	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5	Thôn Nà Mạ		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)	7,5	- Các xóm Phai Bân, Pò Khuyên: 4,2km. - Xóm Lọ Mười: 4,7km - Xóm Kéo Đình: 4,0km. - Xóm Cầu Ngâm: 4,5km. - Xóm Nà Ăn: 5,0km. - Xóm Cạm Phường: 7,5km. - Xóm Nà Nhắng: 6,0km qua suối Nà Nhắng không có cầu. - Xóm Pàn Châu: 4,8km. - Xóm Nà Mặn: 5,0km. - Xóm Lọ Tặc 7 km tính từ hộ ông Hứa Văn Hà qua suối Thang Mù, đi lại khó khăn, trơn trượt, dốc lên đồi đường đất 1500 m đường đất dễ sạt lở; - Xóm Cóc Lùng: 6,5km	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Phân hiệu Minh Khai)	7,5	- Xóm Nà Ăn: 7,5km. - Xóm Cạm Phường: 7,0km. - Xóm Nà Nhắng: 7,3km. - Xóm Nà Lạn: 6.6 km tính từ hộ ông Hoàng Văn Chức; - Xóm Nà Pàn: 6.5 km tính từ hộ ông Phùng Văn Chợt; - Xóm Nà Toòng: 6.2 km tính từ hộ ông Chu Ngọc Lèn; - Xóm Lọ Tặc: 7,0 km tính từ hộ ông Hứa Văn Hà qua suối Thang Mù, đi lại khó khăn, trơn trượt, dốc lên đồi đường đất 1500 m đường đất dễ sạt lở. - Xóm Pàn Châu 4.8 km tính từ hộ ông Hứa Văn Nghiêm, nhà gần nhất Hứa Văn Cừ 4 km đường đi lại khó khăn qua đồi núi dốc cao trơn trượt dễ sạt lở. - Xóm Khuổi Vòm: 4.5 km; Tính từ hộ gia đình ông Vy Văn Vượng - Xóm Nà Mọp: 5.5 km; Tính từ hộ gia đình ông Hứa Văn Quân - Xóm Nà Lặng: 5.5 km; Tính từ hộ gia đình ông Chu Văn Tô - Xóm Cóc Lùng: 4.5 km; Tính từ hộ gia đình ông Hứa Văn Thông - Xóm Cóc Bay : 4.2 km; Tính từ hộ gia đình ông Hứa Văn Nhâm	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Điểm trường Pàn Làng)	4,3	- Xóm Lọ Tặc: 1,5 km tính từ nhà ông Hứa Văn Hà qua suối Thang Mù, đi lại khó khăn, trơn trượt, dốc lên đồi đường đất 1500 m đường đất dễ sạt lở; - Xóm Pàn Châu: 4.3 km tính từ nhà ông Hứa Văn Nghiêm, nhà gần nhất Hứa Văn Cừ 4 km đường đi lại khó khăn qua đồi núi dốc cao trơn trượt dễ sạt lở.	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)	13,0	- Xóm Bản Trang: 13,0km	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/thôn)	Tên trường (điểm trường)	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.6	Thôn Minh Khai		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Phân hiệu Minh Khai)	6,0	- Xóm Nà Kề: 4.8 km tính từ hộ Nông Thị Hợp . - Xóm Tình Pò: 6.0 km tính từ hộ Phùng Văn Nháy; - Xóm Bản Đâu: 3.0 km tính từ hộ Lưu Văn Long qua suối Bản Đâu không có cầu, đường đi khó, trơn trượt; - Xóm Khuổi Sầu 2.5 km tính từ hộ Lý Văn Chính qua suối Khuổi Sầu, qua dốc Khẩu Phàng, đường đi khó trơn trượt. - Xóm Nà Lạn 2.5 km tính từ hộ Lâm Văn Luyện qua suối Nà Lạn rộng 4m, không có cầu, mưa to nước lũ không qua được.	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Điểm trường Bản Tẩn)	3,0	- Xóm Nà Luông: 3.8 km tính từ hộ Lương Văn Thượng đường đi nhỏ hẹp Qua dốc Nà Slao đường lên đồi dễ sạt lở, trơn trượt; - Xóm Bản Nưa: 3 km tính từ hộ Lương Văn Tuyên qua suối Nà Sào không có cầu, đi đường rừng, bờ ruộng trơn trượt, dễ sạt lở; - Xóm Bản Trang: 3 km tính từ hộ Chu Văn Mẫn qua sườn đồi hay sạt lở trơn trượt. Đường đi đường đồi; - Xóm Bản Noọc: 3 km tính từ hộ Lý Văn Thuộc qua suối Nà Hem (rộng 6,5m), suối Bồng Ngược, suối Khuổi Mới không có cầu, đường rừng, bờ ruộng dễ sạt lở, trơn trượt; - Xóm Cốc Khẩu: 4 km tính từ hộ Tô Văn Viện qua suối Khuổi Sầu, đi đường rừng dễ sạt lở, trơn trượt; - Xóm Khuổi Vạt: 2.9 km tính từ hộ Lý Văn Thiết đi đường rừng. qua khe Cốc Kén đường nhỏ hẹp dễ sạt lở trơn trượt; - Xóm Nà Mòn: 1.5 km tính từ hộ Lý Văn Yên qua khe Cốc Liền, suối Cốc Liền không có cầu; đường đi nhỏ hẹp qua đường đồi núi dễ sạt lở; - Xóm Cốc Chi: 3 km tính từ hộ Lý Văn Lâm qua suối Cốc chủ, đường đồi núi nhỏ hẹp, dễ sạt lở trơn trượt. Đi đường bờ ruộng 500m trơn trượt; - Xóm Nà Thang: 3.8 km tính từ hộ Lương Văn Khánh qua khe Nà Thang, dốc Nà Slào đường đi dễ sạt lở, trơn trượt đi đường rừng.	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường (điểm trường)	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.7	Thôn Bản Tiến	ĐBK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Phân hiệu Minh Khai)	5,0	- Xóm Cốc Lầy 4.0 km tính từ hộ Lương Văn Ba, nhà gần nhất tính từ hộ ông Lâm Văn Phan 3,0 km đường đất đỏ dốc dài 150 m qua suối Nà Tầu không cầu; - Xóm Khuổi Chọt: 4.8 km tính từ hộ Lâm Văn Thâm; - Xóm Khuổi Mòn 5.0 km tính từ hộ Lâm Văn Tĩnh; - Xóm Khuổi Ổ: 4.0 km tính từ hộ Lâm Văn Hợi, điểm gần nhất tính từ hộ ông Lâm Văn Giáp: 3,0km qua sườn đồi đường đất, qua suối Khuổi Ổ không cầu rộng 3 m.	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Điểm trường Nà Nưa)	4,5	- Xóm Lọ Chọt: 2,6km tính từ hộ Lưu Văn Ổn qua suối Bản Luông không có cầu, qua khe Lọ Chọt đường trơn trượt, lầy lội. - Xóm Cốc Pô: 2,0km tính từ hộ Lưu Văn Bích qua suối Bản Luông rộng 8m không có cầu, đèo Cốc Pô dễ sạt lở, trơn trượt, lầy lội. - Xóm Bản Luông: 1,5km tính từ hộ Hà Văn Báo nếu trời mưa lũ đi đường vòng 3km nắn đi đường bờ ruộng phải qua đường bờ suối nhỏ hẹp, có đoạn cắt ngang không có cầu, dễ ngập tràn, sạt lở. - Xóm Thang Tổng: 2,5km tính từ hộ Hà Văn Tấn phải qua suối Bản Luông, Thang Tổng không có cầu, đèo Nà Nền, đi lại khó khăn. - Xóm Cốc Nà: 4,5km tính từ hộ Lương Văn Phú và đi đường rừng 1km phải qua suối Cốc Nà rộng 5m không có cầu, đi lại khó khăn. - Xóm Cốc Bao: 4,5km tính từ hộ Lương Văn Ngang qua suối Tầu Lườn rộng 4m không có cầu, đi lại nguy hiểm. - Xóm Cốc Nhừ: 4,5km tính từ hộ Nông Thị Vân qua khe qua suối Tầu Lườn rộng 4m không có cầu. - Xóm Khuổi Cãi: 3,5km tính từ hộ Lý Văn Trường qua suối Tầu Lườn rộng 4m không có cầu, dốc Cốc Nhừ trơn trượt, dễ sạt lở, qua khe, qua bờ ruộng.	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Điểm trường Pàn Làng)	5,0	- Xóm Đâu Lộ: 5 km tính từ hộ Lâm Văn Nặng ; Xóm Cốc Loi: 4.5 km tính từ hộ Lâm Văn Say nhà gần nhất Lâm Văn Giang; - Xóm Nà Cáy: 2 km tính từ hộ Phùng Văn Minh lên đồi đường đất 500m qua đèo Không Còi dễ sạt lở, trơn trượt; -Xóm Lũng Thâm: 4 km tính từ hộ Nông Văn Tĩnh.	
2	XÃ HOA THÁM					

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/thôn)	Tên trường (điểm trường)	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1	Thôn Nà Pàn		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)	4,0	- Các xóm Nà Nghiu, Sọ Phát: 4,0km.	
3	XÃ THIỆN THUẬT					
	Thôn Pác Giã		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)	6,0	- Các xóm Nà Xóm, Nà Pò: 6,0km.	
4	XÃ THIỆN HÒA					
	Thôn Lân Luông		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)	68.0	- Xóm Khum Bom: 68,0km.	
5	XÃ THIỆN LONG					
	Thôn Tân Tiến		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Trường chính)	50,0	Xóm Mạ Khoang: 50km	
6	XÃ HỘI HOAN					
	Thôn Cốc Lào		Trường PTDTBT TH Hồng Phong (Điểm trường Văn Can)	5,0	Điểm xa nhất 5,0km, điểm gần nhất 4,0km.	

HƯỚNG DẪN

Cột (1) - STT: Ghi số thứ tự theo xã (1, 2..), thôn (1.1, 1.2...).

Cột (2) - Tên xã, thôn

- Tên xã: Ghi tên xã hiện tại, nếu sáp nhập thì ghi tên xã mới sau sáp nhập và ghi chú trong ngoặc tên xã cũ theo Quyết định 861/QĐ-TTg.

- Tên thôn: Ghi tên thôn thuộc xã, nếu sáp nhập, ghi tên thôn mới và ghi chú thôn cũ trước khi sáp nhập.

Cột (3): Ghi khu vực của xã (III, II, I); thôn đặc biệt khó khăn (ghi ĐBK), hoặc để trống nếu thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn.

Cột (4) - Tên trường/Điểm trường: Ghi tên trường hoặc điểm trường mà học sinh theo học.

Cột (5) - Khoảng cách (km): Ghi khoảng cách cho trường hợp 1, trường hợp 2 của mục 1, phần II của công văn; làm tròn đến 0,1 km.

Cột (6) - Diễn giải: Đối với các trường hợp 2, 3 và 4 của mục 1, phần II của công văn (Mức tính khoảng cách trong trường hợp 2, trường hợp 4; địa hình cho trường hợp 2, 3 và 4)

Cột (7) - Ví dụ

PHỤ LỤC II

DANH MỤC ĐỊA BÀN HỌC SINH KHÔNG

(Đính kèm Quyết định số 482 /

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	XÃ HỒNG PHONG	III	Trường PTDTBT THCS HỒNG PHONG	
1.1	Thôn Văn Mịch		Trường PTDTBT THCS Hồng Phong - Trường chính	2,2
				4,5
				2
				8
				7,5
				7
1.2	Thôn Đoàn Kết		Trường PTDTBT THCS Hồng Phong - Trường chính	7
				4
				4
				4,5
				5
				2,5
				29
				25

1.3	Thôn Vàng Phya	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong - Trường chính	14
				9
				12
				12
				7
				6
				5
				4,5
				4
				17
				15
				2,5
1.4	Thôn Văn Can	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong - Trường chính	8
				7
				7
				7
				7,5
				>7
				7,2
				9
				>7
				7,2
				8

			Trường PTDTBT THCS Hồng Phong - Phân hiệu Minh Khai	8
				7
				11
				12
				10
1.5	Thôn Nà Mạ	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong - Phân hiệu Minh Khai	7
1.6	Thôn Minh Khai	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong - Phân hiệu Minh Khai	8
				7,8
				6
				5,5
				5,5
				9
				7
				5,2
1.7	Thôn Bản Tiến	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong - Phân hiệu	5,5
				5,8
				5,5
				9
				7
				7

			Phân hiệu Minh Khai	4,5
				11
				7
				9

HƯỚNG DẪN

Cột (1) - STT: Ghi số thứ tự theo xã (1, 2..), thôn (1.1,

Cột (2) - Tên xã, thôn

- Tên xã: Ghi tên xã hiện tại, nếu sáp nhập thì

- Tên thôn: Ghi tên thôn thuộc xã, nếu sáp nhập

Cột (3): Ghi khu vực của xã (III, II, I); thôn đặc biệt kh

Cột (4) - Tên trường/Điểm trường: Ghi tên trường hoặc

Cột (5) - Khoảng cách (km): Ghi khoảng cách cho trườ

Cột (6) - Diễn giải: Đối với các trường hợp 2, 3 và 4 củ

Cột (7) - Ví dụ

THẺ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY (CẤP THCS)
NĂM HỌC 2026-2027

(QĐ-UBND ngày 25 /9/2026 của UBND xã Hồng Phong)

Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(6)	(7)
Xóm Nà Pàn: 2,2km từ hộ Hoàng Văn Trang, Hoàng Văn Béo, qua suối Búng Hà không có cầu, nước chảy xiết học sinh đi lại nguy hiểm.	Sáp nhập thôn Văn Mịch + Kim Liên + 1/2 Nhất Tiến
Xóm Ca Định: 4,5km tính từ hộ ông Hoàng Văn Nhận qua suối, chưa có cầu.	
Xóm Nà Sli: 2,0km từ hộ ông Hoàng Văn Linh và ông Hoàng Văn Mạnh qua suối Nà Sli rộng 8m không có cầu, nước chảy xiết học sinh	
Các xóm Nà Khum, Cốc Sả: 8,0km	
Xóm Pò Hà: 7,5km	
Các xóm Khuổi Dạc, Nà Kéo: 7,0km	Sáp nhập thôn Nà Ven + Đoàn Kết
Các xóm Khum Kim, Hát Làng: 7,0km	
Xóm Pác Khuổi: 4km qua sông, chưa có cầu.	
Xóm Pò Khuyên: 4km đường đất nhỏ đi lại khó khăn, dễ sạt lở đất, đá.	
Các xóm Nà Cúm, Nà Kít: 4,5km đường đất nhỏ đi lại khó khăn, dễ sạt lở đất, đá.	
Xóm Vằng Păm: 5,0km qua sông, chưa có cầu.	
Xóm Mò Tộc: 2,5km từ hộ ông Mỗ Văn Hiệu qua bờ ruộng, đường đất, nhỏ, qua đồi núi khó đi.	
Xóm Khau Phại: 29,0km	
Xóm Nà Sla: 25,0km	

Xóm Hát Cù: 14,0km	Sáp nhập thôn Khuổi Khuy + Vằng Phya + Nà Sla
Các xóm Phiêng Slài, Khuổi Nát: 9,0km	
Phiêng Văng: 12km	
Hát Gia: 12km	
Các xóm Cốc Po, Khuổi Khuy, Cốc Lải: 7,0km	
Xóm Khuổi Slao: 6,0km qua suối, đường khó đi sạt lở.	
Các xóm Thâm Lặng, Cò Luông: 5,0km qua suối, đường khó đi sạt lở.	
Xóm Mạy Thang: 4,5km đường khó đi, dễ sạt lở đất đá.	
Xóm Hát Cúm: 4,0km phải qua thác Phja Đán đất đá sạt lở.	
Xóm: Phiêng Búng, Tầu Tát, Hang Slun: 17km	
Xóm Bản Quyến: 15km	
Xóm Pò Xuông: 2,5km có 06 hộ dân sinh sống. Từ điểm tập trung dân cư đến trường phải qua thác Phja Đán đất đá sạt lở.	Sáp nhập thôn Văn Can + Thống Nhất
Xóm Khuổi Nhọt: 8,0km	
Xóm Thang Nà: 7km trở lên tính từ hộ ông Chu Văn Thèn đến trường.	
Xóm Nà Khoai: 7km trở lên tính từ hộ ông Ma Văn Khách đến trường, <u>đường đất nhỏ hẹp.</u>	
Các xóm Bản Pjàng, Nà Soong: 7,0km.	
Xóm Thống Nhất: 7,5km	
Xóm Pò Hấu: trên 7km	
Xóm Lọ Lèo: 7,2km	
Xóm Nà Khuông: 9km	
Xóm Nà Kề: trên 7km	
Xóm Nà Cạp: 7,2km	
Xóm Bản Hời: 8,0km	

Xóm Bản Hời có hộ xa nhất là: Hộ ông Hoàng Văn Soạn đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 8 km.	
Xóm Nà Khoai có hộ xa nhất là: Hộ ông Hứa Văn Mai đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 7 km.	
Xóm Tát Lù có hộ xa nhất là: Hộ ông Mông Văn Dũng đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 11km.	
Xóm Nà Sliếc có hộ xa nhất là: Hộ ông Chu Văn Bằng đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 12 km.	
Xóm Nà Khuông có hộ xa nhất là: Hộ ông Triệu Văn Mạnh đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 10km.	
Xóm Lọ Tặc: Điểm xa nhất có hộ ông Hứa Văn Quyết, xóm Lọ Tặc đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 7 km, đi đường rừng, qua dốc Khẩu Phảng, trơn trượt, dễ sạt lở. Qua suối Nà Khoai, không có cầu, mùa mưa đi lại khó khăn, đường dốc dễ sạt lở.	Sáp nhập thôn Nà Mạ + Nà Mười + 1/2 Nhất Tiến
Xóm Tình Pò: Điểm xa nhất có hộ ông Phùng Văn Nháy đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 8 km. Qua suối bản Đâu, không có cầu, đường đi khó trơn trượt.	Sáp nhập thôn Pàn Pên, Khuổi Con, Bản Tăn
Xóm Nà Ké: Đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 7,8 km	
Xóm Bản Đâu: Đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 6 km đi qua suối bản Đâu, không có cầu, đường đi	
Xóm Khuổi Sầu: Đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 5,5 km đi qua dốc Khẩu Phảng, đường đi khó trơn trượt.	
Xóm Nà Luông điểm gần nhất có hộ ông: Lương Văn Thủy đi đến trường Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là	
Xóm Khuổi Vạt điểm xa nhất có hộ ông: Lý Văn Vũ đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 9 km, đường	
Xóm Bản Nưa, xóm Bản Trang, xóm Bản Nọc, xóm Cóc Khẩu, xóm Nà Mòn, xóm Cóc Chi, xóm Nà Thang đi đến Trường PTDTBT	
Xóm Khuổi Sầu: Điểm xa nhất có hộ ông Âu Văn Phương đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 5,2	Sáp nhập thôn Khuổi Ổ, Bản Tiến, Nà Nưa thành thôn Bản
Xóm Cóc Lầy điểm xa nhất: Có hộ ông Lâm Văn Ba đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 5,5 km, không	
Xóm Khuổi Chọt có hộ Lâm Văn Thân đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai 5,8 km, đường trơn trượt,	
Xóm Khuổi Mòn có hộ ông Lâm Văn Tinh đi đến trường là 5,5 km	
Xóm Đâu Lộ có hộ xa nhất là: Hộ ông Lâm Văn Nặng đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 9 km.	
Xóm Chang khuyên hộ gần nhất Lâm Văn Bằng đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 7 km.	
Xóm Cóc Lòi, xóm Nà Cáy, xóm Pà Mười, xóm Lùng Thâm đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 7 km.	

Xóm Khuổi Ổ có nhà ông Lâm Văn Hợi đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai 4,5 km, không có cầu qua	Tiền
Xóm Cốc Nhừ điểm xa nhất: Có hộ ông Lâm Văn Thi đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 11 km.	
Xóm Bản Luông điểm gần nhất: Có hộ ông Hà Văn Kiên, đi đến Trường PTDTBT THCS Hồng Phong- Phân hiệu Minh Khai là 7 km.	
Xóm Thang Tông, xóm Lộ Chột, xóm Cốc Càng, Cốc Pô, xóm Cốc Nà, xóm Cốc Bao, xóm Phạ Lác, xóm Cốc Liền, xóm Khuổi Cải đi đến phân hiệu Minh Khai là 9 km.	

1.2...).

ghi tên xã mới sau sáp nhập và ghi chú trong ngoặc tên xã cũ theo Quyết định 861/QĐ-TTg.

ịp, ghi tên thôn mới và ghi chú thôn cũ trước khi sáp nhập.

ó khăn (ghi ĐBK), hoặc để trống nếu thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn.

c điểm trường mà học sinh theo học.

mg hợp 1, trường hợp 2 của mục 1, phần II của công văn; làm tròn đến 0,1 km.

ia mục 1, phần II của công văn (Môc tính khoảng cách trong trường hợp 2, trường hợp 4; địa hình c

cho trường hợp 2, 3 và 4)